

## SỔ TÍNH ĂN

Ngày 21 tháng 01 năm 2026

### I. Tiêu chuẩn được chi

ST T	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo/xuất (kg)	Tổng số (kg)	Tiền/xuất (đ)	Tổng số (đ)	
1	Cơm mẫu giáo	193	0,080	15,4	18,165	3.505.800	
2	Cơm nhà trẻ	59	0,083	4,9	18,090	1.067.300	
	<b>Cộng</b>	<b>252</b>		<b>20,3</b>		<b>4.573.100</b>	

### II. Thức ăn trong ngày

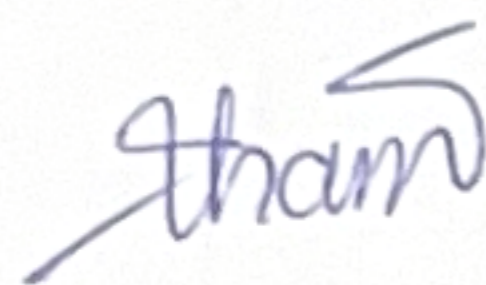
ST T	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá	Mẫu giáo				Nhà trẻ				Tổng cộng	
				Bữa chính		Bữa phụ		Bữa chính		Bữa phụ		SL	TT
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT		
1	Bột năng	Kg	28.000		-	1,5	42.000		-		-	1,5	42.000
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	22.000	2	44.000	1	22.000	0,7	15.400		-	4	81.400
3	Cải chíp	Kg	24.000	7,3	175.200		-	1	24.000		-	8,3	199.200
4	Chuối tiêu	Quả	2.500	97	242.500		-	30	75.000		-	127,0	317.500
5	Củ cải trắng	Kg	20.000		-		-	0,7	14.000		-	0,7	14.000
6	Hành lá	Kg	42.000	0,4	16.800		-	0,1	4.200		-	0,5	21.000
7	Hành tây	Kg	26.000		-	1	26.000		-		-	1,0	26.000
8	Khoai tây	Kg	20.000	2	40.000		-	0,6	12.000		-	2,6	52.000
9	Nấm hương khô	Kg	300.000		-	0,1	30.000		-		-	0,1	30.000
10	Ngô ngọt	Bắp	17.000		-	8	136.000		-		-	8,0	136.000
11	Rau mùi	Kg	50.000		-	0,2	10.000		-		-	0,2	10.000
12	Su hào	Kg	24.000	2	48.000		-	0,5	12.000		-	2,5	60.000
13	Thịt bò	Kg	250.000	1,5	375.000		-	0,3	75.000		-	1,8	450.000
14	Thịt gà ta lai (bò chân, cổ)	Kg	135.000		-	3	405.000		-		-	3,0	405.000
15	Thịt lợn nạc vai	Kg	144.000	0,4	57.600		-	0,2	28.800		-	0,6	86.400
16	Thịt lợn sản mông	Kg	134.000	1	134.000		-	0,2	26.800		-	1,2	160.800
17	Thịt vịt (bò đầu, bò chân)	Kg	105.000		-		-	3,5	367.500		-	3,5	367.500
18	Tỏi	Kg	46.000	0,1	4.600		-	0,1	4.600		-	0,2	9.200
19	Trứng gà	Quả	4.000	190	760.000	10	40.000	55	220.000		-	255,0	1.020.000

20	Nước mắm nam ngư độ nhj	Lít	30.000	0,29	8.700	-	0,1	3.000	-	0,4	11.700	
21	Dầu ăn Neptune 5L	Lít	64.000	0,8	51.200	-	0,2	12.800	-	1,0	64.000	
22	Bột canh hải châu	Kg	25.000	0,3	7.500	0,1	2.500	-	-	0,4	10.000	
23	gạo tẻ bắc thơm	Kg	21.000	15,4	323.400	-	4,9	102.900	-	20,3	426.300	
24	Sữa Nuvi Grow School	Kg	260.000	-	-	3,3	858.000	-	0,7	182.000	4,0	1.040.000
					2.288.500		1.571.500	998.000	182.000	-	5.040.000	

### III. Phần quyết toán trong ngày

- Hôm trước chuyển sang: 0đ
- Tiêu chuẩn trong ngày: 5.040.000 đ
- Được chi trong ngày: 5.040.000 đ
- Đã chi trong ngày: 5.040.000 đ
- Số tiền chi vượt: 0đ

**Kế toán**



**Bạch Thị Thắm**

**Phó hiệu trưởng**



**Nguyễn Thị Yên Nhi**